TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2026
V/v: *"Tranh chấp về ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Ngọc Liên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lương Thị Phương**

2. Ông **Đặng Duy Hải**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà **Phạm Thị Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 748/2025/TL-HNGĐ ngày 13/11/2025 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 569/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2026/QĐST - HPT ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Ngọc A**. Sinh năm 1995. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số C ngách A Â, phường H, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh **Phạm Vũ H**. Sinh năm 1978. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số C ngách A Â, phường H, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Ngọc A trình bày:***

- Về tình cảm: Chị Đặng Ngọc A và anh Phạm Vũ H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội) vào ngày 26/3/2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23/2019. Trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc, mục đích hôn

nhân không đạt được nên chị Ngọc A đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H xác nhận 01 con chung là cháu Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/02/2019. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị xác nhận anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về vay nợ: Chị xác nhận tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

*** Bị đơn là anh Phạm Vũ H trình bày:**

- Về tình cảm: Anh và chị Đặng Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội) vào ngày 26/3/2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23/2019. Sau khi kết hôn anh chị chuyển về nhà bố mẹ anh tại địa chỉ số A Â, phường H, thành phố Hà Nội. Trong quá trình vợ chồng chung sống không mâu thuẫn, anh chị vẫn nói chuyện sinh hoạt bình thường. Mâu thuẫn xảy ra khoảng 7 tháng gần đây nguyên nhân do bất đồng quan điểm về việc nuôi dạy con. Nay chị Ngọc A xin ly hôn anh, anh nhận thấy tình cảm của vợ chồng vẫn còn đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được đoàn tụ với nhau. Trong trường hợp chị Ngọc A nhất quyết xin ly hôn, thì anh cũng đồng ý với điều kiện anh là người trực tiếp nuôi con chung.

- Về con chung: Anh và chị Ngọc A xác nhận 01 con chung là cháu Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/02/2019. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Ngọc A cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh xác nhận anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ: Anh xác nhận anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 35, 39, 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Chuyển thông báo thụ lý vụ án, các quyết định đến Viện kiểm sát và các văn bản tố tụng tống đạt cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 179; Điều 191; Điều 195; Điều 196; Điều 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời gian chuẩn bị xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203; Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định tại Điều 63; điểm b khoản 2 Điều 227 và chương II Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51; Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 58; 63; 70 và điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Ngọc A. Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Ngọc A về việc nuôi con chung: Giao con chung Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/02/2019 cho chị Ngọc A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H không phải đóng góp tiền nuôi con chung .Về tài sản, nhà ở và nợ chung: Chị Đặng Ngọc A và anh Phạm Vũ H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là chị Đặng Ngọc A có đơn xin ly hôn đối với anh Phạm Vũ H. Anh H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số A Â, phường H, thành phố Hà Nội. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội thụ lý, giải quyết, xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Ngọc A và anh Phạm Vũ H là quan hệ hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội) vào ngày 26/3/2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23/2019. Trong thời gian chung sống chị Ngọc A khẳng định anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn của chị Ngọc A và Anh H đã rất trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ. Anh H cũng xác nhận mâu thuẫn xảy ra khoảng 7 tháng gần đây. Anh nhận thấy tình cảm của vợ chồng vẫn còn đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được đoàn tụ với nhau. Trong trường hợp chị Ngọc A nhất quyết xin ly hôn, thì anh cũng đồng ý với điều kiện là người trực tiếp nuôi con chung.

Tòa án tiến hành ghi lời khai của đại diện tổ dân phố nơi chị Ngọc A và anh H sinh sống và được cung cấp như sau: *"Chị Đặng Ngọc A và anh Phạm Vũ H là quan hệ hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị chuyển về nhà bố mẹ anh H tại địa chỉ số A Â, phường H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn hay không tổ dân phố không nắm được do anh chị không thông báo với tổ dân phố. Nay chị Ngọc A xin ly hôn anh H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật".*

Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng chung thủy thương yêu nhau, tôn trọng danh dự và uy tín cho nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Rõ ràng cuộc hôn nhân của chị Đặng Ngọc A và anh Phạm Vũ H không đạt được mục đích đó, chị Ngọc A xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể. Anh H có nguyện vọng được hòa giải để anh chị về đoàn tụ, tuy nhiên anh cũng không có biện pháp khắc phục tình cảm vợ chồng. Do đó, chị Ngọc A làm đơn xin ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Ngọc A.

Về con chung: Chị Đặng Ngọc A và anh Phạm Vũ H xác nhận 01 con chung là cháu Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/02/2019. Chị Ngọc A và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Ngọc A và anh H đều có nguyện vọng nuôi con, đều có thu nhập, chỗ ở ổn định. Tuy nhiên, hiện cháu M vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc hàng ngày của mẹ nhiều hơn, thực tế chị Ngọc A vẫn đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu M. Anh H có nguyện vọng nuôi con nhưng cần sự trợ giúp của mẹ anh H để chăm sóc cháu M vì anh H thường phải đi công tác xa nhà và hiện tại anh H cũng đang là người trực tiếp nuôi cháu Phạm Phương H1, sinh ngày 11/02/2012 (là con riêng của anh H). Vì vậy, xét nguyện vọng của chị Ngọc A là có căn cứ được chấp

nhận. Chị Ngọc A không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, nhà ở và nợ chung: Chị Đặng Ngọc A và anh Phạm Vũ H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Ngọc A phải chịu án phí sơ thẩm.

Chị Đặng Ngọc A và Anh Phạm Vũ H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ và nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điểu 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Ngọc A;

Chị Đặng Ngọc A được ly hôn với anh Phạm Vũ H.

2. Về con chung: Chị Đặng Ngọc A và anh Phạm Vũ H xác nhận có một con chung là cháu Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/02/2019. Giao cháu Phạm Hoàng M, sinh ngày 04/02/2019 cho chị Đặng Ngọc A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Vũ H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Chị Đặng Ngọc A và anh Phạm Vũ H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Ngọc A chịu án phí sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016274 ngày 13 tháng 11 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2026.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội;
- Phòng THA dân sự Khu vực 1 – Hà Nội;
- UBND phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Ngọc Liên